

## Tình hình thực hiện các mục tiêu xóa đói giảm nghèo

Sau 2 năm thực hiện Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo, với những cố gắng lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam và sự giúp đỡ nhiệt tình của cộng đồng quốc tế, Việt Nam đang thu được những thành tựu mới rất quan trọng trên con đường thực hiện những mục tiêu Chiến lược đề ra.

### 1. Các mục tiêu phát triển kinh tế:

- Nền kinh tế tiếp tục duy trì được tỷ lệ tăng trưởng khá và ổn định.
  - Tăng trưởng GDP năm 2002 đạt 7,04%, năm 2003 ước tăng 7,24%.
  - Nông, lâm, thủy sản năm 2002 tăng 4,06%, năm 2003 ước tăng 3,19%.
  - Dịch vụ năm 2002 tăng 6,5%, năm 2003 tăng 6,63%.
  - Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP năm 2002 chiếm 38,5% và năm 2003 ước khoảng 40%. Tỷ trọng nông, lâm, thủy sản năm 2002 chiếm 23,0% và năm 2003 ước khoảng 21,8%. Tỷ trọng dịch vụ năm 2002 chiếm 38,5% và năm 2003 ước khoảng 38,2%.
- Tích lũy nội bộ nền kinh tế so với GDP đạt 31% năm 2002 và ước khoảng 33% năm 2003.
- Thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội năm 2002 đạt 183,8 nghìn tỷ đồng, bằng 34,2% GDP và năm 2003 ước đạt 217,6 nghìn tỷ đồng, bằng 35,9% GDP.
- Tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp và xây dựng đã tăng từ 12,6% năm 2001 lên 15,7% năm 2003; trong ngành nông, lâm, thủy sản giảm từ 67,2% năm 2001 xuống còn 61,3 năm 2003; trong các ngành dịch vụ tăng từ 20,2% năm 2001 lên 23,0% năm 2003.

### 2. Các mục tiêu về xã hội và xóa đói, giảm nghèo:

Do kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá và ổn định nên trong 3 năm qua, công tác xóa đói giảm nghèo đã thu được các thành tựu đáng khích lệ:

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm xuống còn 14% năm 2002 và ước khoảng 11% năm 2003 từ 13,33%.
- Tỷ lệ nghèo chung theo chuẩn quốc tế giảm xuống còn 28,9% năm 2002 và ước khoảng 27% năm 2003; trong đó tỷ lệ nghèo về lương thực thực phẩm từ 13,3% năm 1999 xuống còn 9,94% năm 2002.
- Giải quyết việc làm cho 1,4 triệu người năm 2002; 1,5 triệu người năm 2003.
- Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi khu vực thành thị giảm từ 6,01% năm 2002 xuống còn 5,78% năm 2003.
- Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn đã tăng từ 75,3% năm 2002 lên khoảng 77,6% năm 2003.
- Tỷ lệ người biết đọc, biết viết trong độ tuổi 15-24 tăng từ 93,8% năm 1998 lên 95,4 năm 2002.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi năm 2002 là 29,5%, năm 2003 là 28%.

- Diện tích che phủ rừng năm 2002 là 36,6%, năm 2003 là 37,5%.
- Tỷ lệ sử dụng nước sạch ở nông thôn năm 2002 là 52%, năm 2003 là 54%.
- Tỷ lệ xã nghèo có đường ô tô đến trung tâm xã năm 2003 là 57%, có trạm y tế xã là 52%.
- Tỷ lệ hộ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam năm 2003 là 93%; xem Đài Truyền hình Việt Nam là 86%.
- Mật độ điện thoại năm 2002 là 6,9% máy/100 dân, năm 2003 là 9,2% máy/100 dân.

Năm 2003, ngân sách Nhà nước dành cho lĩnh vực xã hội đạt 36,9%(năm 2002 là 31,6%), trong đó:

- + Giáo dục, đào tạo:8% (năm 2002 là 7,7%)
- + Y tế, xã hội chiếm 6,3% (năm 2002 là 6%)
- + Khoa học, công nghệ môi trường chiếm 3,2% (năm 2002 là 2,6%)
- + Văn hóa thông tin chiếm 3,2% (năm 2002 là 2,5%)
- + Thể dục, thể thao chiếm 1,4% (năm 2002 là 1,2%)

Chương trình mục tiêu quốc gia tập trung nhiều cho các xã vùng khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Tổng số vốn dự kiến bố trí cho 6 chương trình mục tiêu quốc gia tăng 15,8% so với năm 2002, trong đó:

- + Vốn chương trình các mục tiêu miền núi tăng 27%.
- + Vốn chương trình các tỉnh duyên hải miền trung tăng 21%.
- + Vốn chương trình các tỉnh vùng đồng bằng tăng 16%.
- + Vốn chương trình các tỉnh, thành phố có nguồn thu lớn giảm 3-10%.

***Trích tài liệu Hội thảo “Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo”***